

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M'ĐRẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số:02/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 12-5-2021

“V/v ly hôn, nuôi con”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK – TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phi Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Duy Am và ông Y Do Niê

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Công Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 12/5/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 89/2020/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 10 năm 2020 về “*Kiến ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vũ Thị M, sinh năm 1981. Địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn Th, sinh năm 1977. Địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng bà Vũ Thị M trình bày: Bà Vũ Thị M và ông Phạm Văn Th tự nguyện kết hôn ngày 30/01/2002 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Trong quá trình chung sống do bất đồng quan điểm, tính cách, lối sống nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, ông Th không lo cuộc sống gia đình. Bà M và ông Th không còn sống với nhau từ đầu năm 2011 cho đến nay. Cuộc sống chung giữa bà M và ông Th không thể hàn gắn đoàn tụ với nhau được. Vì vậy, bà M yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Th.

Về con chung: Bà M và ông Th có 02 con chung: Cháu Phạm Ngọc Kh, sinh ngày 07/11/2003 và cháu Phạm Ngọc Th, sinh ngày 28/8/2009. Bà M có nguyện vọng nuôi cháu Phạm Ngọc Kh và cháu Phạm Ngọc Th đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn ông Phạm Văn Th:* Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng. Quá trình xác minh, đại diện chính quyền địa phương cung cấp thông tin hiện nay ông Phạm Văn Th không có mặt tại địa phương nên Tòa án tiến hành niêm yết công khai để ông Phạm Văn Th đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng ông Th vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện M’Đrăk, tỉnh Đắk Lắk đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

* Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử tại phiên tòa đảm bảo quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị M lập ngày 12/5/2020, Tòa án nhân dân huyện M’Đrăk, tỉnh Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Phạm Văn Th có nơi cư trú tại thôn H, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện M’Đrăk, tỉnh Đắk Lắk thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định: Bà Vũ Thị M và ông Phạm Văn Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M vào ngày 30/01/2002. Quá trình chung sống bà Vũ Thị M và ông Phạm Văn Th thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông Phạm Văn Th không quan tâm và lo cuộc sống gia đình.

Quá trình xác minh, đại diện chính quyền địa phương cung cấp thông tin: Bà Vũ Thị M và ông Phạm Văn Th sống ly thân từ đầu năm 2011 cho đến nay. Căn cứ kết quả xác minh cũng như ý kiến trình bày đương sự có đủ cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân giữa bà Vũ Thị M và ông Phạm Văn Th đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Vũ Thị M được ly hôn với ông Phạm Văn Th.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà Vũ Thị M và ông Phạm Văn Th có 02 (Hai) con chung: Cháu Phạm Ngọc Kh, sinh ngày 07/11/2003 và cháu Phạm Ngọc Th, sinh ngày 28/8/2009.

Quá trình làm việc tại Tòa án, các cháu Phạm Ngọc Kh, Phạm Ngọc Th trình bày muốn được ở với bà Vũ Thị M và bà M có nguyện vọng nhận nuôi các cháu Kh, Th đến khi đủ 18 tuổi.

Xét thấy khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Tại thời điểm mở phiên tòa cháu Phạm Ngọc Kh 17 (Mười bảy) tuổi 06 (Sáu) tháng 5 (Năm) ngày và cháu Phạm Ngọc Th 11 (Mười một) tuổi 08 (Tám) tháng 14 (Mười bốn) ngày. Hiện tại các cháu Kh, Th đang sống chung với bà M. Từ nhỏ đến nay bà M là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con. Mặt khác, ông Phạm Văn Th thường xuyên vắng nhà. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Phạm Ngọc Kh, sinh ngày 07/11/2003 và cháu Phạm Ngọc Th, sinh ngày 28/8/2009 cho bà Vũ Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Ông Phạm Văn Th được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Vũ Thị M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí: Bà Vũ Thị M thuộc diện hộ nghèo nên được miễn nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 147, Điều 203, Điều 220, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị M được ly hôn với ông Phạm Văn Th.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Ngọc Kh, sinh ngày 07/11/2003 và cháu Phạm Ngọc Th, sinh ngày 28/8/2009 cho bà Vũ Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Bà Vũ Thị M được miễn án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M’Đrắk;
- Chi cục THADS huyện M’Đrắk;
- UBND xã C, huyện M;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Nguyễn Phi Long

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)